

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG VIDIPHA

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

(đã được soát xét)

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	04
Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét	05-35
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	05-06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	08-09
Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	10-35

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG VIDIPHA
Số 184/2 Lê Văn Sỹ, phường Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Vidipha (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Vidipha được thành lập theo Quyết định số 468/2003/QĐ-BYT ngày 30/01/2003 của Bộ trưởng Bộ Y Tế về việc chuyển Công ty Phát triển Kỹ Nghệ Dược Trung Ương trực thuộc Tổng Công ty Dược Việt Nam thành công ty cổ phần, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0300470246 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 24 tháng 03 năm 2003, đăng ký thay đổi lần thứ 22 ngày 25 tháng 07 năm 2024.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 184/2 Lê Văn Sỹ, phường Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Kiều Hữu	Chủ tịch	
Ông Hoàng Thế Bắc	Thành viên thường trực	
Ông Hoàng Văn Hoà	Thành viên	
Ông Phạm Tuấn Kiệt	Thành viên	
Ông Trần Văn Đạt	Thành viên	
Ông Nguyễn Trần Hiếu	Thành viên	
Bà Kiều Thị Minh Hồng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 18/04/2025
Bà Nguyễn Ngọc Trang	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 18/04/2025

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Hoàng Văn Hoà	Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Thế Bắc	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Doãn Thị Ngọc Bội	Trưởng ban
Ông Nguyễn Quang Toàn	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Thuỷ	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính giữa niên độ cho Công ty.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến khi lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này là Ông Kiều Hữu – Chủ tịch Hội đồng quản trị và ông Hoàng Văn Hòa - Tổng Giám đốc.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG VIDIPHA
Số 184/2 Lê Văn Sỹ, phường Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập các Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán và Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18/09/2024 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 96/2020/TT-BTC.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Hoàng Văn Hoà
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 08 năm 2025



Số: 130825.009/BCTC.KT2

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Vidipha

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Vidipha được lập ngày 13 tháng 08 năm 2025, từ trang 05 đến trang 35, bao gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Vidipha tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, và kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Vũ Xuân Biền

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2023-002-1

Hà Nội, ngày 13 tháng 08 năm 2025

T: (84) 24 3824 1990 | F: (84) 24 3825 3973 | 1 Le Phụng Hiếu, Hanoi, Vietnam



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG VIDIPHA

Số 184/2 Lê Văn Sỹ, phường Phú Nhuận,
thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính giữa niên độ

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2025	01/01/2025
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		917.234.571.478	922.220.272.793
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	124.159.340.505	123.830.952.476
111	1. Tiền		124.159.340.505	123.830.952.476
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	222.192.703.185	192.789.930.016
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		222.192.703.185	192.789.930.016
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		205.397.573.825	256.058.796.626
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	170.764.688.785	231.427.021.609
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	8.900.715.775	8.677.434.115
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	26.678.956.471	16.901.128.108
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(946.787.206)	(946.787.206)
140	IV. Hàng tồn kho	9	359.155.002.618	346.482.278.908
141	1. Hàng tồn kho		359.155.002.618	346.482.278.908
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		6.329.951.345	3.058.314.767
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	1.992.717.350	2.416.360.285
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		923.109.967	495.114.470
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	15	3.414.124.028	146.840.012
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		200.369.038.310	203.609.067.081
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		295.850.022	417.433.359
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn		235.350.022	382.433.359
216	2. Phải thu dài hạn khác	7	60.500.000	35.000.000
220	II. Tài sản cố định		187.043.804.281	194.716.269.641
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	144.268.662.066	155.537.345.506
222	- Nguyên giá		417.358.641.212	413.975.690.090
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(273.089.979.146)	(258.438.344.584)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	42.775.142.215	39.178.924.135
228	- Nguyên giá		48.193.086.756	44.249.014.506
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(5.417.944.541)	(5.070.090.371)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	10	3.532.504.160	108.975.340
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		3.532.504.160	108.975.340
260	VI. Tài sản dài hạn khác		9.496.879.847	8.366.388.741
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	9.496.879.847	8.366.388.741
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		<u>1.117.603.609.788</u>	<u>1.125.829.339.874</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG VIDIPHA

Số 184/2 Lê Văn Sỹ, phường Phú Nhuận,
thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính giữa niên độ

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2025	01/01/2025
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		394.421.057.517	374.058.044.861
310	I. Nợ ngắn hạn		394.421.057.517	374.058.044.861
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	107.635.031.021	50.749.772.741
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		898.980.040	1.244.227.028
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	3.738.774.756	3.152.337.050
314	4. Phải trả người lao động		6.009.353.352	16.053.258.345
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	6.296.123.741	15.000.000.000
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	17	20.582.071.394	17.356.528.110
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	18	235.709.272.623	258.437.901.613
322	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi		13.551.450.590	12.064.019.974
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		723.182.552.271	751.771.295.013
410	I. Vốn chủ sở hữu	19	723.182.552.271	751.771.295.013
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		220.833.920.000	220.833.920.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		220.833.920.000	220.833.920.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		179.852.119.980	179.852.119.980
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		280.748.629.122	269.879.748.658
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		41.747.883.169	81.205.506.375
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		9.382.288.479	9.382.288.479
421b	LNST chưa phân phối kỳ này		32.365.594.690	71.823.217.896
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.117.603.609.788	1.125.829.339.874

Đoàn Thanh Hoa
Người lậpNghiêm Minh Tuấn
Kế toán trưởngHoàng Văn Hoà
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 08 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG VIDIPHA

Số 184/2 Lê Văn Sỹ, phường 10, quận Phú Nhuận,
thành phố Hồ Chí Minh

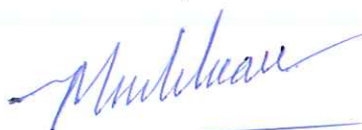
Báo cáo tài chính giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21	482.985.025.976	432.398.662.610
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	22	7.961.635.286	7.727.553.602
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		475.023.390.690	424.671.109.008
11	4. Giá vốn hàng bán	23	358.019.622.288	310.399.666.716
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		117.003.768.402	114.271.442.292
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24	5.130.549.074	9.953.240.895
22	7. Chi phí tài chính	25	7.015.818.997	10.756.886.998
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		4.974.912.702	7.921.322.243
25	8. Chi phí bán hàng	26	48.332.368.999	40.711.385.695
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	27	26.292.709.604	33.047.600.486
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		40.493.419.876	39.708.810.008
31	11. Thu nhập khác	28	720.924.808	61.535.173.697
32	12. Chi phí khác	29	422.463.232	59.555.534.123
40	13. Lợi nhuận khác		298.461.576	1.979.639.574
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		40.791.881.452	41.688.449.582
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	30	8.426.286.762	8.501.434.690
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		32.365.594.690	33.187.014.892
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	31	1.466	1.618





Đoàn Thanh Hòa
Người lập

Nghiêm Minh Tuấn
Kế toán trưởng

Hoàng Văn Hoà
Tổng Giám đốc 

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 08 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG VIDIPHA

Số 184/2 Lê Văn Sỹ, phường Phú Nhuận,
thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính giữa niên độ

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024
			VND	VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		40.791.881.452	41.688.449.582
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		14.894.867.518	15.298.349.185
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(35.233.293)	(45.198.138)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(5.065.867.228)	(8.423.261.634)
06	- Chi phí lãi vay		4.974.912.702	7.921.322.243
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		55.560.561.151	56.439.661.238
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		46.940.443.288	(17.219.522.295)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(12.672.723.710)	(59.900.772.450)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		38.205.953.825	3.425.550.026
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(4.130.376.991)	(6.141.954.515)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(4.974.912.702)	(7.965.129.565)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(7.830.067.332)	(5.002.743.000)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(4.153.805.602)	(9.006.200.496)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		106.945.071.927	(45.371.111.057)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(7.327.023.372)	(9.661.141.458)
23	2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(167.303.778.414)	(199.176.239.795)
24	3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		139.580.836.654	119.407.069.439
27	4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		3.533.119.156	8.540.094.870
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(31.516.845.976)	(80.890.216.944)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	1. Tiền thu từ đi vay		234.885.322.163	329.624.908.444
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(257.613.951.153)	(272.316.146.355)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(52.406.442.225)	(45.852.899.725)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(75.135.071.215)	11.455.862.364

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG VIDIPHA

Số 184/2 Lê Văn Sỹ, phường Phú Nhuận,
thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính giữa niên độ

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		293.154.736	(114.805.465.637)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		123.830.952.476	213.987.603.712
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		35.233.293	45.198.138
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	<u>124.159.340.505</u>	<u>99.227.336.213</u>



Đoàn Thanh Hoa
Người lập



Nghiêm Minh Tuấn
Kế toán trưởng

Hoàng Văn Hoà
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 08 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG VIDIPHA

Số 184/2 Lê Văn Sỹ, phường Phú Nhuận,
thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính giữa niên độ

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Vidipha được thành lập theo Quyết định số 468/2003/QĐ-BYT ngày 30/01/2003 của Bộ trưởng Bộ Y Tế về việc chuyển Công ty Phát triển Kỹ Nghệ Dược Trung Ương trực thuộc Tổng Công ty Dược Việt Nam thành công ty cổ phần, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0300470246 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 24 tháng 03 năm 2003, đăng ký thay đổi lần thứ 22 ngày 25 tháng 07 năm 2024.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 184/2 Lê Văn Sỹ, phường Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 220.833.920.000 VND, vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 06 năm 2025 là 220.833.920.000 VND; tương đương 22.083.392 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 là: 540 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2025 là: 607 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất và kinh doanh thương mại, dịch vụ.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu dược phẩm, dược liệu, nguyên liệu, hoá chất (trừ hoá chất có tính độc hại mạnh), mỹ phẩm, thực phẩm (không sản xuất thực phẩm tươi sống ở các khu dân cư tập trung tại thành phố Hồ Chí Minh), vật tư máy móc, trang thiết bị y tế;
- Tư vấn về chuyển giao công nghệ;
- Kinh doanh khách sạn (đạt tiêu chuẩn sao và không hoạt động tại trụ sở);
- Kinh doanh bất động sản;
- Dịch vụ bảo quản và kiểm nghiệm thuốc.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính giữa niên độ

Trong 6 tháng đầu năm nay, tình hình thị trường khởi sắc, doanh số bán hàng của Công ty tăng nhẹ so với cùng kỳ năm trước, dẫn đến doanh thu thuần và lợi nhuận gộp của Công ty tăng lần lượt 50,35 tỷ VND và 2,73 tỷ VND tương ứng tăng 11,86% và 2,39% so với cùng kỳ năm trước.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Chi nhánh Bình Dương - Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Vidipha

Chi nhánh Hà Nội - Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Vidipha

Chi nhánh Miền Trung - Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Vidipha

Chi nhánh Tây Nam Bộ - Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Vidipha

Địa chỉ

Khu phố Tân Bình, phường Tân Hiệp, Thành phố Hồ Chí Minh

Số BT6-3 Khu đô thị mới Văn Khê, phường Hà Đông, Thành phố Hà Nội

410-412 Kinh Dương Vương, phường Hòa Khánh, Thành phố Đà Nẵng

41-43 đường D24, KDC Hồng Loan, KV 5, phường Cái Răng, Thành phố Cần Thơ

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG VIDIPHA

Số 184/2 Lê Văn Sỹ, phường Phú Nhuận,
thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:	Địa chỉ
Chi nhánh Đông Nam Bộ - Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Vidipha	Số 184/2 Đường Lê Văn Sỹ, Phường Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh
Trung tâm phát triển mỹ phẩm và dược phẩm - Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Vidipha	68/118 đường Đồng Nai, Phường Hòa Hưng, Thành phố Hồ Chí Minh

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3. Cơ sở lập Báo cáo tài chính giữa niên độ

Báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các báo cáo tài chính của các đơn vị thành viên hạch toán độc lập và của Văn phòng Công ty.

Trong Báo cáo tài chính của Công ty các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ toàn bộ.

2.4. Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ kế toán cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong Báo cáo tài chính giữa niên độ bao gồm:

- Dự phòng phải thu khó đòi;
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho;
- Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định;
- Thời gian phân bổ chi phí trả trước;
- Phân loại và dự phòng các khoản đầu tư tài chính;
- Ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính của Công ty và được Ban Tổng giám đốc Công ty đánh giá là hợp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG VIDIPHA

Số 184/2 Lê Văn Sỹ, phường Phú Nhuận,
thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

2.5 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chí phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

2.6 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.

2.7 . Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2.8 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu, các khoản cho vay,... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được lập vào thời điểm cuối kỳ căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.9 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính giữa niên độ căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG VIDIPHA

Số 184/2 Lê Văn Sỹ, phường Phú Nhuận,
thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

2.10 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí nguyên vật liệu chính cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.11 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Nếu các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà chi phí phát sinh.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 11 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08 năm
- Quyền sử dụng đất có thời hạn	20 - 50 năm
- Quyền sử dụng đất lâu dài	Không trích khấu hao
- Phần mềm quản lý	03 - 05 năm

2.12 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG VIDIPHA

Số 184/2 Lê Văn Sỹ, phường Phú Nhuận,
thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

2.13 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.14 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần và chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp thẳng.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 tháng đến 36 tháng.
- Chi phí sửa chữa lớn được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng thời gian từ 12 tháng đến 36 tháng.
- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 02 tháng đến 36 tháng.

2.15 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.16 . Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay bằng ngoại tệ thì theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.17 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

2.18 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như tiền lương nghỉ phép, chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa, vụ, chi phí lãi tiền vay phải trả, chi phí cam kết bán hàng trích trước ... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG VIDIPHA

Số 184/2 Lê Văn Sỹ, phường Phú Nhuận,
thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

2.19 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.

2.20 . Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.21 . Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ gồm: Chiết khấu thương mại và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG VIDIPHA

Số 184/2 Lê Văn Sỹ, phường Phú Nhuận,
thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

2.22 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán cho khách hàng trong kỳ, được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, chi phí nhân công và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, dự phòng giảm giá hàng tồn kho, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan... được ghi nhận đầy đủ và kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

2.23 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính là chi phí đi vay vốn và lỗ tỷ giá hối đoái.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.24 . Thuế thu nhập doanh nghiệp**a) Chi phí thuế TNDN hiện hành**

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025.

2.25 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

2.26 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.27 . Thông tin bộ phận

Hoạt động kinh doanh của Công ty là các sản phẩm thuốc và chủ yếu diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam, do đó Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

3 . TIỀN

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Tiền mặt	757.381.993	1.237.911.509
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	123.401.958.512	122.593.040.967
	<u>124.159.340.505</u>	<u>123.830.952.476</u>

4
- CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn				
- Tiền gửi có kỳ hạn (*)	5.000.000.000	-	5.000.000.000	-
- Trái phiếu (**)	217.192.703.185	-	187.789.930.016	-
	<u>222.192.703.185</u>	<u>-</u>	<u>192.789.930.016</u>	<u>-</u>

(*) Khoản tiền gửi ngân hàng tại Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam, có số dư là 5.000.000.000 VND, kỳ hạn 12 tháng với lãi suất tại thời điểm 30/06/2025 là 5%/năm.

(**) Trái phiếu Công ty nắm giữ tại thời điểm 30/06/2025 là trái phiếu Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh có tổng số dư là 217.192.703.185 VND, bao gồm:

TT	Mã trái phiếu	Số lượng trái phiếu	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Lãi suất	Số dư tại
						30/06/2025
						VND
1	HDBL2330002	70	21/07/2023	21/07/2030	7,4%	7.163.426.060
2	HDBL2330003	34	22/08/2023	22/08/2030	7,4%	3.612.015.602
3	HDBL2331005	57	27/11/2023	27/11/2031	7,3%-7,4%	5.898.717.155
4	HDBL2331006	17	08/12/2023	08/12/2031	7,4%	1.735.859.528
5	HDBL2331007	50	18/12/2023	18/12/2031	7,3%-7,4%	5.213.179.470
6	HDBL2431003	300	20/06/2024	20/06/2031	7,1%	31.056.143.700
7	HDBL2432005	19	02/07/2024	02/07/2032	7,3%	1.941.245.618
8	HDBL2432014	179	17/09/2024	17/09/2032	7,1%-7,4%	18.183.804.328
9	HDBL2432017	35	27/09/2024	27/09/2032	7,4%	3.632.604.465
10	HDBL2432020	45	06/11/2024	06/11/2032	7,4%	4.627.177.380
11	HDBL2432023	98	26/11/2024	26/11/2032	7,3%	10.191.362.314
12	HDBL2432025	1206	28/11/2024	28/11/2032	7,3%	123.937.167.565
	Tổng cộng					<u><u>217.192.703.185</u></u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG VIDIPHA

Số 184/2 Lê Văn Sỹ, phường Phú Nhuận,
thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<i>Bên liên quan</i>	<i>18.945.989.008</i>	-	<i>20.981.543.537</i>	-
Công ty TNHH Dược phẩm Trâm Bảo Khoa	4.898.509.725	-	4.138.832.415	-
Công ty CP Dược mỹ phẩm Phúc Lai Thành	3.517.968.508	-	8.751.473.222	-
Công ty TNHH Nutri - Pharma USA	10.529.510.775	-	8.091.237.900	-
<i>Bên khác</i>	<i>151.818.699.777</i>	<i>(946.787.206)</i>	<i>210.445.478.072</i>	<i>(946.787.206)</i>
Công ty CP Dược phẩm Trung Ương I- Pharbaco	19.845.356.000	-	13.782.735.750	-
Cửa hàng số 1 VIDIPHA (quận 10)	2.234.240.638	-	5.507.517.990	-
Công ty CP TM Dược Vương	2.352.149.723	-	6.448.901.329	-
Công ty TNHH Dược phẩm MEDX	2.623.681.307	-	5.835.451.290	-
Công ty TNHH CM BIOPHAR	3.133.155.810	-	5.883.305.673	-
TT kiểm soát bệnh tật TP Hà Nội	-	-	4.625.964.000	-
Các khách hàng khác	121.630.116.299	(946.787.206)	168.361.602.040	(946.787.206)
	<u>170.764.688.785</u>	<u>(946.787.206)</u>	<u>231.427.021.609</u>	<u>(946.787.206)</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG VIDIPHA

Số 184/2 Lê Văn Sỹ, phường Phú Nhuận,
thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính giữa niên độ

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
- Viện Kiểm Nghiem Thuộc Trung Ương	1.850.000.000	-	925.000.000	-
- Công Ty TNHH Đầu Tư - Xây Dựng 2 Tháng 9	1.732.487.005	-	-	-
- Công Ty TNHH Công Nghệ Lam	1.401.956.012	-	525.733.504	-
- Công ty TNHH Công nghệ xây dựng MPT	-	-	1.462.800.600	-
- Các đối tượng khác	3.916.272.758	-	5.763.900.011	-
	<u>8.900.715.775</u>	<u>-</u>	<u>8.677.434.115</u>	<u>-</u>

7 . PHẢI THU KHÁC

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn				
Phải thu về BHXH, BHYT	4.680.086.465	-	2.752.874.335	-
Tạm ứng	3.424.977.755	-	3.240.516.258	-
Ký cược, ký quỹ	4.915.591.286	-	658.610.155	-
Thuế TNCN phải thu người lao động	7.285.590.179	-	6.651.556.761	-
Phải thu khác	6.372.710.786	-	3.597.570.599	-
	<u>26.678.956.471</u>	<u>-</u>	<u>16.901.128.108</u>	<u>-</u>
b) Dài hạn				
Ký cược, ký quỹ	60.500.000	-	35.000.000	-
	<u>60.500.000</u>	<u>-</u>	<u>35.000.000</u>	<u>-</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG VIDIPHA

Số 184/2 Lê Văn Sỹ, phường Phú Nhuận,
thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính giữa niên độ

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

8 . NỢ XẤU

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
- Bệnh viện Bà Rịa	248.847.206	-	248.847.206	-
- Các khoản khác	697.940.000	-	697.940.000	-
	<u>946.787.206</u>	<u>-</u>	<u>946.787.206</u>	<u>-</u>

9 . HÀNG TỒN KHO

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	203.043.158.124	-	207.681.415.975	-
Công cụ, dụng cụ	3.266.047.126	-	3.530.247.587	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	6.975.580.646	-	393.499.319	-
Thành phẩm	143.061.602.398	-	129.747.276.998	-
Hàng hoá	2.808.614.324	-	5.129.839.029	-
	<u>359.155.002.618</u>	<u>-</u>	<u>346.482.278.908</u>	<u>-</u>

10 . TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Sửa chữa lớn tài sản cố định	3.532.504.160	108.975.340
- Cải tạo phần xưởng 03 nhà máy Bình Dương	3.423.528.820	-
- Khác	108.975.340	108.975.340
	<u>3.532.504.160</u>	<u>108.975.340</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG VIDIPA
Số 184/2 Lê Văn Sỹ, phường Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	155.974.709.062	236.166.356.758	16.907.942.738	4.926.681.532	413.975.690.090
- Mua trong kỳ	1.586.252.777	1.796.698.345	-	-	3.382.951.122
Số dư cuối kỳ	157.560.961.839	237.963.055.103	16.907.942.738	4.926.681.532	417.358.641.212
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	60.682.868.816	180.909.011.886	12.031.389.074	4.815.074.808	258.438.344.584
- Khấu hao trong kỳ	4.110.073.858	9.666.709.865	865.747.087	9.103.752	14.651.634.562
Số dư cuối kỳ	64.792.942.674	190.575.721.751	12.897.136.161	4.824.178.560	273.089.979.146
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu kỳ	95.291.840.246	55.257.344.872	4.876.553.664	111.606.724	155.537.345.506
Tại ngày cuối kỳ	92.768.019.165	47.387.333.352	4.010.806.577	102.502.972	144.268.662.066

Trong đó: Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 160.834.777.944 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG VIDIPHA

Số 184/2 Lê Văn Sỹ, phường Phú Nhuận,
thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

12 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Giá trị quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	39.985.064.506	4.263.950.000	44.249.014.506
- Mua trong kỳ	3.944.072.250	-	3.944.072.250
Số dư cuối kỳ	43.929.136.756	4.263.950.000	48.193.086.756
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	3.374.241.282	1.695.849.089	5.070.090.371
- Khấu hao trong kỳ	102.158.334	245.695.836	347.854.170
Số dư cuối kỳ	3.476.399.616	1.941.544.925	5.417.944.541
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu kỳ	36.610.823.224	2.568.100.911	39.178.924.135
Tại ngày cuối kỳ	40.452.737.140	2.322.405.075	42.775.142.215

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 765.000.000 VND.

(*) Giá trị quyền sử dụng đất của Công ty bao gồm:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không xác định thời hạn số DC573340, tại phường Bình Lộc, tỉnh Đồng Nai; Nguyên giá tại thời điểm 30/06/2025 là: 11.557.500.000 VND.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không xác định thời hạn số CC982428, tại khu Tái định cư Hòa Minh 1, phường Hòa Khánh, thành phố Đà Nẵng; Nguyên giá tại thời điểm 30/06/2025 là: 13.121.280.000 VND.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không xác định thời hạn số: CQ404317, tại Khu dân cư số 6, khu đô thị mới Nam Cần Thơ, phường Cái Răng, TP. Cần Thơ; Nguyên giá tại thời điểm 30/06/2025 là: 3.541.266.000 VND.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không xác định thời hạn số: CG533292, tại BT6-3, khu đô thị mới Văn Khê, phường Hà Đông, TP. Hà Nội; Nguyên giá tại thời điểm 30/06/2025 là: 2.541.858.000 VND.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có thời hạn đến 26/03/2052 số: BE300248, tại phường Tân Hiệp, thành phố Hồ Chí Minh; Nguyên giá tại thời điểm 30/06/2025 là: 9.223.160.506 VND.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không xác định thời hạn số: DK322694, tại phường Vinh Hưng, tỉnh Nghệ An; Nguyên giá tại thời điểm 30/06/2025 là: 3.944.072.250 VND.

13 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	15.610.317	84.250.017
Chi phí sửa chữa, bảo trì máy móc, phần mềm	753.965.584	808.763.129
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	1.223.141.449	1.523.347.139
	1.992.717.350	2.416.360.285
b) Dài hạn		
Chi phí sửa chữa hoàn thiện vỉa hè, mái tôn, văn phòng	3.209.471.995	1.630.437.347
Chi phí thuê Văn phòng	87.912.000	267.780.000
Công cụ dụng cụ xuất dùng	4.616.345.521	3.712.776.602
Chi phí trả trước dài hạn khác	1.583.150.331	2.755.394.792
	9.496.879.847	8.366.388.741

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG VIDIPHA
Số 184/2 Lê Văn Sỹ, phường Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

15 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu kỳ	Số phải nộp đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	145.895.143	20.394.000	11.385.380.164	12.519.285.485	1.259.406.464	-
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	-	10.612.276	-	-	10.612.276
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	3.131.943.050	8.426.286.762	7.830.067.332	-	3.728.162.480
Thuế Thu nhập cá nhân	944.869	-	2.788.291.248	4.942.063.943	2.154.717.564	-
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	-	-	1.124.184.900	1.124.184.900	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	8.000.000	8.000.000	-	-
	146.840.012	3.152.337.050	23.742.755.350	26.423.601.660	3.414.124.028	3.738.774.756

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

16 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGÂN HẠN

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Chi phí cam kết bán hàng (*)	6.296.123.741	15.000.000.000
	6.296.123.741	15.000.000.000

(*) Chi phí cam kết bán hàng là khoản chiết khấu thương mại Công ty sẽ phải giảm trừ cho khách hàng nếu khách hàng đạt đủ doanh số mua hàng cả năm.

17 . PHẢI TRẢ NGÂN HẠN KHÁC

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Tài sản thừa chờ giải quyết	3.436.906	3.436.906
- Kinh phí công đoàn	798.266.241	724.858.900
- Bảo hiểm thất nghiệp	1.673.383.423	1.407.694.128
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	9.985.971.777	7.183.934.002
- Quỹ đóng góp của người lao động	6.541.839.140	5.517.494.913
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.579.173.907	2.519.109.261
	20.582.071.394	17.356.528.110

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG VIDIPHA

Số 184/2 Lê Văn Sỹ, phường Phú Nhuận,
thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính giữa niên độ

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn (tiếp):

- (2) Hợp đồng tín dụng số SHBVN/CMC/052024/HĐTD/VIDIPHA ngày 07/06/2024 giữa Công ty và Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 50.000.000.000 VND;
 - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
 - + Thời hạn của hợp đồng: 1 năm kể từ ngày ký hợp đồng và được tự động gia hạn nhiều lần;
 - + Lãi suất cho vay: Áp dụng lãi suất cố định theo mức lãi suất quy định trên Đơn rút vốn vay kiêm Khế ước nhận nợ của từng khoản vay; lãi suất điều chỉnh áp dụng lãi suất tham chiếu kỳ hạn 03 tháng cộng (+) Biên độ được quy định trên Đơn rút vốn vay kiêm khế ước nhận nợ của từng khoản vay và được điều chỉnh 03/tháng một lần trong suốt Thời hạn cho vay;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ: 28.993.546.762 VND;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Không có tài sản đảm bảo.
- (3) Hợp đồng tín dụng số UOB/HCMC/CB-21192 ngày 19/10/2021 giữa Công ty và Ngân hàng TNHH MTV United Overseas Bank với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 50.000.000.000 VND;
 - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
 - + Thời hạn của hợp đồng: 1 năm kể từ ngày ký hợp đồng và được tự động gia hạn nhiều lần;
 - + Lãi suất cho vay: Lãi suất được xác định theo từng Thông báo rút vốn ứng với mỗi khoản vay;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ: 41.388.400.000 VND;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Tín chấp.
- (4) Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 100/2024/FA.01 ngày 21/07/2024 giữa Ngân hàng Đại chúng TNHH Kasikornbank - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 96.000.000.000 VND;
 - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
 - + Thời hạn của hợp đồng: 12 tháng kể từ và bao gồm cả Ngày hiệu lực;
 - + Lãi suất cho vay: Xác định tại thời điểm giải ngân của từng khế ước nhận nợ;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ: 36.075.374.788 VND;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Không có tài sản đảm bảo.
- (5) Hợp đồng vay vốn ngày 24/03/2025 giữa Công ty và Ngân hàng Bangkok Đại Chúng TNHH - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 50.000.000.000 VND;
 - + Mục đích vay: Thanh toán L/C ngân hàng phát hành;
 - + Thời hạn của hợp đồng: 1 năm kể từ ngày ký hợp đồng;
 - + Lãi suất cho vay: Lãi suất được xác định theo từng Thông báo rút vốn ứng với mỗi khoản vay;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ: 30.864.092.542 VND;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Tín chấp.
- (6) Hợp đồng vay cán bộ công nhân viên ngày 31/12/2024, với các điều khoản chi tiết như sau:
- + Số tiền vay: 1.112.522.202 VND;
 - + Mục đích vay: Sử dụng để chi trả tiền lương;
 - + Thời hạn của hợp đồng: 12 tháng kể từ thời điểm nhận tiền vay;
 - + Lãi suất cho vay: 0%/năm;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ là 1.112.522.202 VND;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Tín chấp.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG VIDIPHA
Số 184/2 Lê Văn Sỹ, phường Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

19 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển		Lợi nhuận chưa phân phối		Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu kỳ trước	184.029.040.000	216.656.999.980	242.085.672.537	89.210.470.476	731.982.182.993			
Lãi trong kỳ trước	-	-	-	-	33.187.014.892			
Trích quỹ đầu tư phát triển năm 2023	-	-	27.794.076.121	(27.794.076.121)	33.187.014.892			
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2023	-	-	-	-	-			
Chia cổ tức năm 2023	-	-	-	-	(6.417.507.488)			(6.417.507.488)
Tăng khác	-	-	-	-	(46.007.260.000)			(46.007.260.000)
Số dư cuối kỳ trước	184.029.040.000	216.656.999.980	269.879.748.658	390.661.612	390.661.612			
				42.569.303.371	713.135.092.009			
Số dư đầu kỳ này	220.833.920.000	179.852.119.980	269.879.748.658	81.205.506.375	751.771.295.013			
Lãi trong kỳ này	-	-	-	32.365.594.690	32.365.594.690			
Trích quỹ đầu tư phát triển năm 2024 (*)	-	-	10.868.880.464	(10.868.880.464)	-			
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2024 (*)	-	-	-	-	(5.745.857.432)			(5.745.857.432)
Chia cổ tức năm 2024 (*)	-	-	-	-	(55.208.480.000)			(55.208.480.000)
Số dư cuối kỳ này	220.833.920.000	179.852.119.980	280.748.629.122	41.747.883.169	723.182.552.271			



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG VIDIPHA

Số 184/2 Lê Văn Sỹ, phường Phú Nhuận,
thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

(*) Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 01-NQ/ĐHĐCĐ-VDP ngày 18/04/2025, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2024 như sau:

	Tỷ lệ (%)	Số tiền VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	100	71.823.217.896
Trích Quỹ đầu tư phát triển	15,13%	10.868.880.464
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	8,00%	5.745.857.432
Chia cổ tức năm 2024 (tỷ lệ 25% trên mệnh giá)	76,87%	55.208.480.000

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu	Tỷ lệ	Cuối kỳ	Tỷ lệ	Đầu kỳ
		VND		VND
Tổng Công ty Dược Việt Nam - CTCP	14,29%	31.561.270.000	14,29%	31.561.270.000
Công ty TNHH Nutri - Pharma USA	8,15%	18.000.000.000	8,15%	18.000.000.000
Kiều Hữu	7,48%	16.529.170.000	7,48%	16.529.170.000
Kiều Thủy Mai	6,24%	13.779.440.000	6,24%	13.779.440.000
Các cổ đông khác	63,84%	140.964.040.000	63,84%	140.964.040.000
	100%	220.833.920.000	100%	220.833.920.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	220.833.920.000	184.029.040.000
- Vốn góp đầu kỳ	220.833.920.000	184.029.040.000
- Vốn góp cuối kỳ	220.833.920.000	184.029.040.000
Cổ tức, lợi nhuận:		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu kỳ	7.183.934.002	7.080.949.552
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong kỳ	55.208.480.000	46.007.260.000
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	55.208.480.000	46.007.260.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền	(52.406.442.225)	(45.904.275.550)
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	(52.406.442.225)	(45.904.275.550)
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối kỳ	9.985.971.777	7.183.934.002

d) Cổ phiếu	30/06/2025	01/01/2025
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	22.083.392	22.083.392
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	22.083.392	22.083.392
- Cổ phiếu phổ thông	22.083.392	22.083.392
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	22.083.392	22.083.392
- Cổ phiếu phổ thông	22.083.392	22.083.392
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG VIDIPHA

Số 184/2 Lê Văn Sỹ, phường Phú Nhuận,
thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

e) Các quỹ công ty	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	280.748.629.122	269.879.748.658
	<u>280.748.629.122</u>	<u>269.879.748.658</u>

20 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

a) Tài sản thuê ngoài		
Công ty ký các hợp đồng thuê đất gia hạn từng năm với Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh tại 184/2 Lê Văn Sỹ, Phường Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh, diện tích thuê là 1887,8 m ² với mục đích sản xuất kinh doanh. Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.		
b) Ngoại tệ các loại	30/06/2025	01/01/2025
- Đồng đô la Mỹ (USD)	71.509,61	60.208,95
c) Nợ khó đòi đã xử lý	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Trần Đình Tâm	1.329.524.179	1.329.524.179
Trung tâm y tế Khánh Sơn	268.075.890	268.075.890
Công ty TNHH NN MTV Dược TYT Quảng Ngãi	122.126.602	122.126.602

21 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	427.946.389	123.833.742
Doanh thu bán thành phẩm	443.480.368.167	432.274.828.868
Doanh thu bán nguyên liệu	39.076.711.420	-
	<u>482.985.025.976</u>	<u>432.398.662.610</u>
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 35)	<u>58.610.988.698</u>	<u>50.269.678.470</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG VIDIPHA

Số 184/2 Lê Văn Sỹ, phường Phú Nhuận,
thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

22 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	7.791.061.598	7.313.613.884
Hàng bán bị trả lại	170.573.688	413.939.718
	<u>7.961.635.286</u>	<u>7.727.553.602</u>

23 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Giá vốn của hàng hoá đã bán	235.201.512	123.050.651
Giá vốn của thành phẩm đã bán	319.408.489.872	310.276.616.065
Giá vốn của nguyên liệu đã bán	38.375.930.904	-
	<u>358.019.622.288</u>	<u>310.399.666.716</u>
Trong đó: Mua hàng từ các bên liên quan		
Tổng giá trị mua vào:	<u>6.403.216.700</u>	<u>1.032.501.313</u>
(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 35)		

24 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	5.065.867.228	8.423.261.634
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	29.448.553	1.484.781.123
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	35.233.293	45.198.138
	<u>5.130.549.074</u>	<u>9.953.240.895</u>

25 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Lãi tiền vay	4.974.912.702	7.921.322.243
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	2.040.906.295	2.831.084.038
Chi phí tài chính khác	-	4.480.717
	<u>7.015.818.997</u>	<u>10.756.886.998</u>

26 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	5.202.021.882	2.118.689.810
Chi phí nhân công	23.194.113.912	21.774.728.717
Chi phí khấu hao tài sản cố định	69.929.016	193.974.671
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.404.495.074	6.972.407.106
Chi phí khác bằng tiền	10.461.809.115	9.651.585.391
	<u>48.332.368.999</u>	<u>40.711.385.695</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG VIDIPHA

Số 184/2 Lê Văn Sỹ, phường Phú Nhuận,
thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

27 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.521.314.623	1.040.675.305
Chi phí nhân công	15.101.649.229	22.736.644.334
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.592.518.177	3.579.086.185
Thuế, phí, lệ phí	1.154.116.654	649.014.467
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.222.207.967	2.315.158.422
Chi phí khác bằng tiền	2.700.902.954	2.727.021.773
	<u>26.292.709.604</u>	<u>33.047.600.486</u>

28 . THU NHẬP KHÁC

	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Thu nhập từ bán nguyên vật liệu	-	61.123.977.070
Thu nhập khác	720.924.808	411.196.627
	<u>720.924.808</u>	<u>61.535.173.697</u>

29 . CHI PHÍ KHÁC

	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Chi phí bán nguyên vật liệu	-	59.116.264.220
Thanh lý thuốc hết hạn, bị thu hồi, hư hỏng	422.327.716	390.018.168
Chi phí khác	135.516	49.251.735
	<u>422.463.232</u>	<u>59.555.534.123</u>

30 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	40.791.881.452	41.688.449.582
Các khoản điều chỉnh tăng	1.339.552.359	818.723.866
- Chi phí không hợp lệ	1.339.552.359	818.723.866
Thu nhập chịu thuế TNDN	42.131.433.811	42.507.173.448
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (thuế suất 20%)	<u>8.426.286.762</u>	<u>8.501.434.690</u>
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu kỳ	3.131.943.050	(351.684.632)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong kỳ	(7.830.067.332)	(5.002.743.000)
Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ	<u>3.728.162.480</u>	<u>3.147.007.058</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG VIDIPHASố 184/2 Lê Văn Sỹ, phường Phú Nhuận,
thành phố Hồ Chí MinhBáo cáo tài chính giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025**31 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	32.365.594.690	33.187.014.892
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	32.365.594.690	33.187.014.892
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	22.083.392	20.512.392
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>1.466</u>	<u>1.618</u>

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

32 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	297.171.640.966	284.478.629.964
Chi phí nhân công	67.790.675.726	69.586.029.525
Chi phí khấu hao tài sản cố định	14.894.867.518	15.298.349.185
Chi phí dịch vụ mua ngoài	19.979.085.117	17.391.267.939
Chi phí khác bằng tiền	15.490.582.134	6.776.509.665
	<u>415.326.851.461</u>	<u>393.530.786.278</u>

33 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro tài chính**

Các loại rủi ro tài chính của Công ty có thể gặp phải bao gồm: rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Công ty có thể sẽ gặp phải các rủi ro thị trường như: tỷ giá hối đoái, lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá khi có các giao dịch thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam như: vay, doanh thu, chi phí, nhập khẩu vật tư, hàng hóa, máy móc thiết bị,...

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG VIDIPHA

Số 184/2 Lê Văn Sỹ, phường Phú Nhuận,
thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 30/06/2025				
Tiền và các khoản tương đương tiền	123.401.958.512	-	-	123.401.958.512
Phải thu khách hàng, phải thu khác	196.496.858.050	60.500.000	-	196.557.358.050
Các khoản cho vay	5.000.000.000	235.350.022	-	5.235.350.022
	<u>324.898.816.562</u>	<u>295.850.022</u>	<u>-</u>	<u>325.194.666.584</u>
Tại ngày 01/01/2025				
Tiền và các khoản tương đương tiền	122.593.040.967	-	-	122.593.040.967
Phải thu khách hàng, phải thu khác	247.381.362.511	35.000.000	-	247.416.362.511
Các khoản cho vay	5.000.000.000	382.433.359	-	5.382.433.359
	<u>374.974.403.478</u>	<u>417.433.359</u>	<u>-</u>	<u>375.391.836.837</u>

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG VIDIPHA

Số 184/2 Lê Văn Sỹ, phường Phú Nhuận,
thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 30/06/2025				
Vay và nợ	235.709.272.623	-	-	235.709.272.623
Phải trả người bán, phải trả khác	128.217.102.415	-	-	128.217.102.415
Chi phí phải trả	6.296.123.741	-	-	6.296.123.741
	<u>370.222.498.779</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>370.222.498.779</u>
Tại ngày 01/01/2025				
Vay và nợ	258.437.901.613	-	-	258.437.901.613
Phải trả người bán, phải trả khác	68.106.300.851	-	-	68.106.300.851
Chi phí phải trả	15.000.000.000	-	-	15.000.000.000
	<u>341.544.202.464</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>341.544.202.464</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

34. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ này.

35. NGHIỆP VỤ VÀ SỔ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan có giao dịch hoặc sổ dư với Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty Dược Việt Nam - CTCP	Cổ đông lớn
Công ty TNHH Nutri - Pharma USA	Cổ đông lớn
Công ty TNHH Dược Phẩm Trâm Bảo Khoa	Ông Trần Văn Đạt - Thành viên HĐQT Công ty là Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH Dược phẩm Trâm Bảo Khoa
Công ty CP Dược mỹ phẩm Phúc Lai Thành	Ông Hoàng Văn Hòa - Tổng giám đốc Công ty là chồng Bà Nguyễn Thị Thảo - Thành viên HĐQT Công ty CP Dược mỹ phẩm Phúc Lai Thành

Các thành viên trong Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác của Công ty

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong kỳ với các bên liên quan như sau:

	06 tháng đầu năm 2025 VND	06 tháng đầu năm 2024 VND
Bán hàng	58.610.988.698	50.269.678.470
Công ty TNHH Nutri - Pharma USA	38.301.670.000	32.008.198.000
Công ty TNHH Dược Phẩm Trâm Bảo Khoa	16.210.040.500	12.637.383.500
Công ty CP Dược mỹ phẩm Phúc Lai Thành	4.099.278.198	5.624.096.970
Mua hàng	6.403.216.700	1.032.501.313
Tổng Công ty Dược Việt Nam - CTCP	-	952.150.000
Công ty TNHH Nutri - Pharma USA	16.416.700	80.351.313
Công ty CP Dược mỹ phẩm Phúc Lai Thành	6.386.800.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG VIDIPHA

Số 184/2 Lê Văn Sỹ, phường Phú Nhuận,
thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc	2.865.970.723	1.730.749.260
Ông Kiều Hữu - chủ tịch HĐQT	769.331.538	240.000.000
Ông Hoàng Thế Bắc - Thành viên HĐQT	518.030.445	128.000.000
Ông Hoàng Văn Hoà - Thành viên HĐQT/Tổng Giám đốc	868.608.740	698.099.280
Bà Đinh Thị Hoàng Oanh - Phó Tổng giám đốc (Miễn nhiệm ngày 26/8/2024)	-	264.649.980
Ông Phạm Tuấn Kiệt - Thành viên HĐQT	105.000.000	120.000.000
Ông Trần Văn Đạt - Thành viên HĐQT	395.000.000	120.000.000
Ông Nguyễn Trần Hiếu - Thành viên HĐQT	105.000.000	120.000.000
Bà Kiều Thị Minh Hồng - Thành viên HĐQT (Bổ nhiệm ngày 18/04/2025)	45.000.000	-
Bà Nguyễn Ngọc Trang - Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm ngày 18/04/2025)	60.000.000	40.000.000
Thu nhập của Ban kiểm soát	699.955.560	647.768.629
Bà Doãn Thị Ngọc Bội - Trưởng Ban kiểm soát	323.495.560	281.876.960
Bà Nguyễn Thị Thuỷ - Thành viên Ban kiểm soát	35.000.000	86.020.969
Ông Nguyễn Quang Toàn - Thành viên Ban kiểm soát	341.460.000	279.870.700
Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong kỳ và không có số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với Công ty.		

36 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024.




Đoàn Thanh Hoa
Người lập

Nghiêm Minh Tuấn
Kế toán trưởng

Hoàng Văn Hoà
Tổng Giám đốc *Ba*

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 08 năm 2025